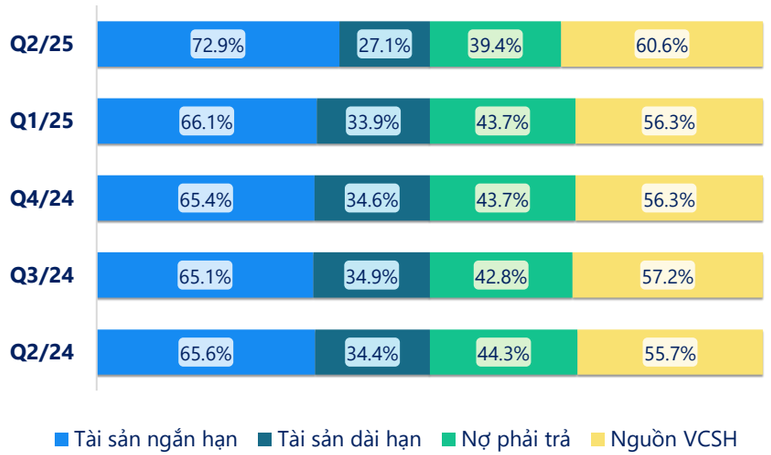
FireAnt

CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDX)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
SL cổ phiếu LH	9,587,557
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,875
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	51
P/E	19.5
EPS	272

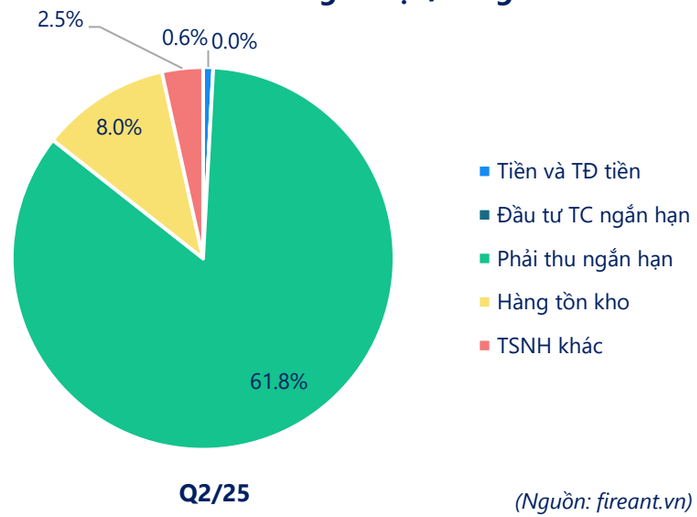
	YTD	1T	3T	6T
NDX	3.9%	6.0%	1.9%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



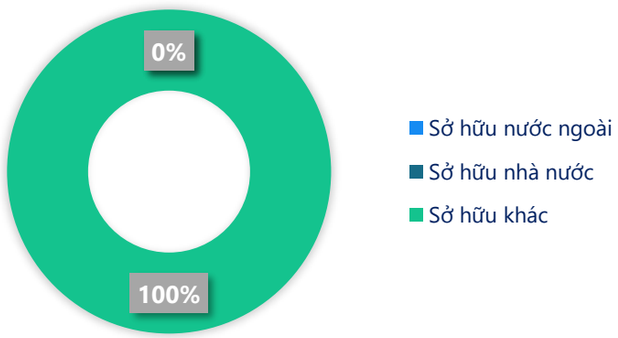
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



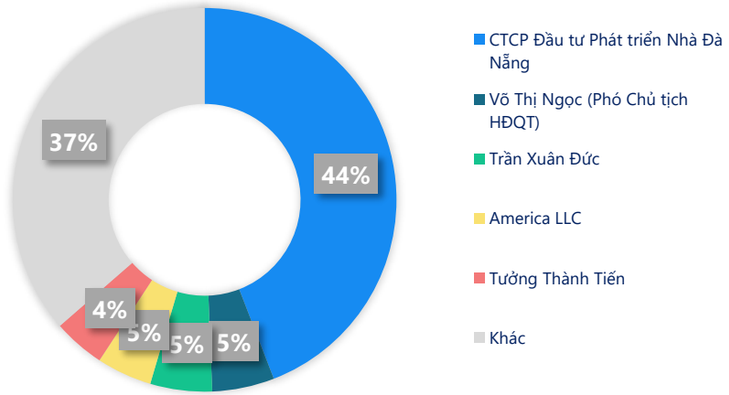
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



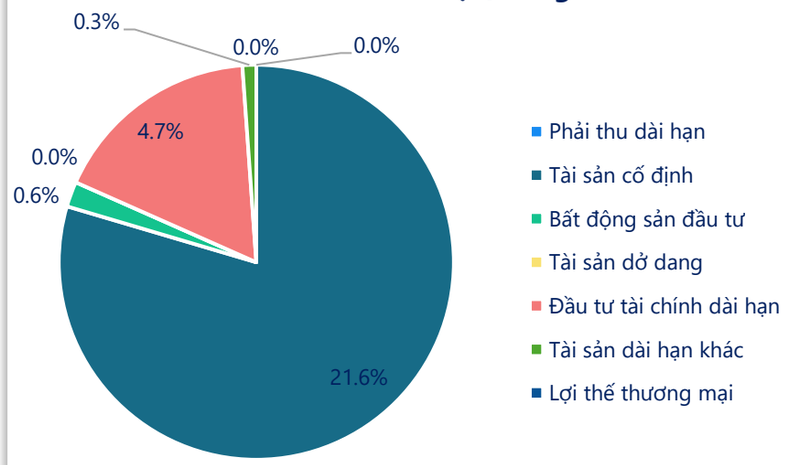
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

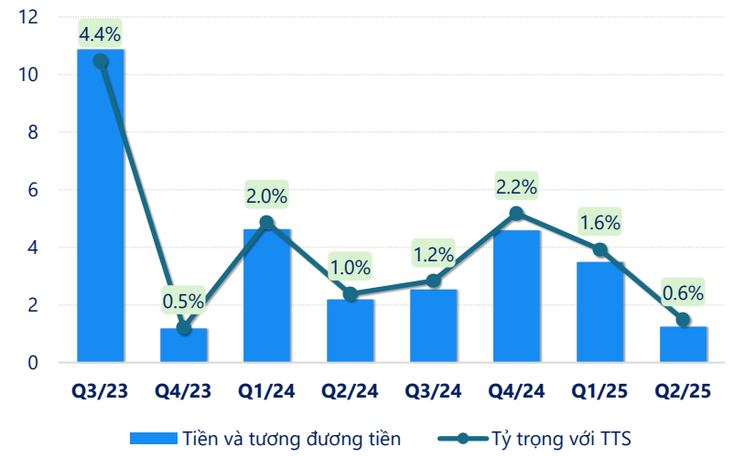


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

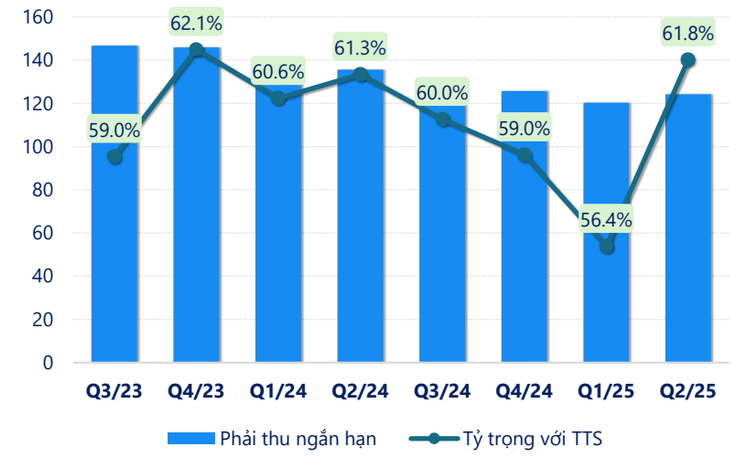
CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDX)

Tiền và tương đương tiền



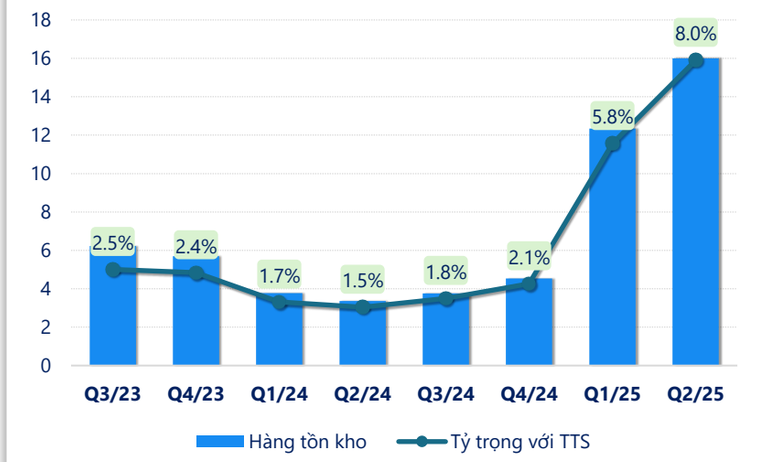
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



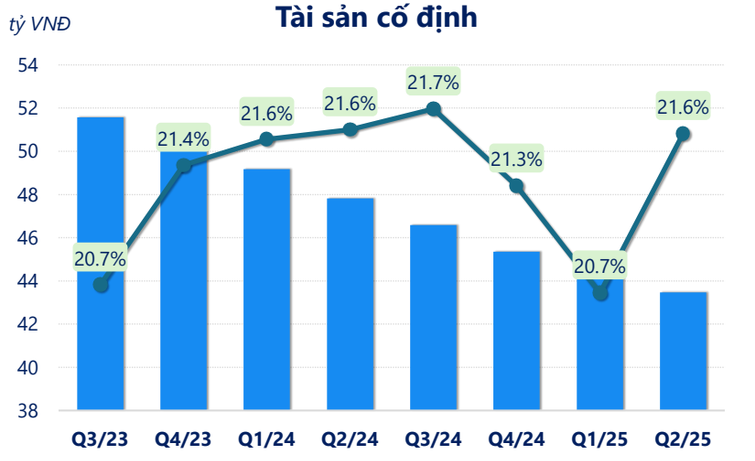
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



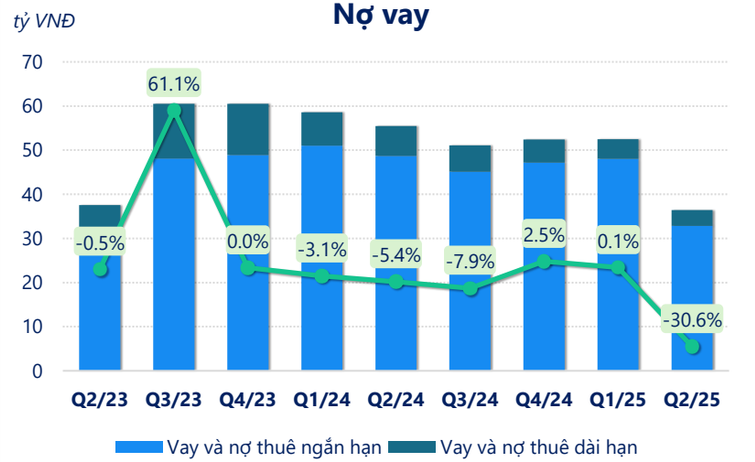
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



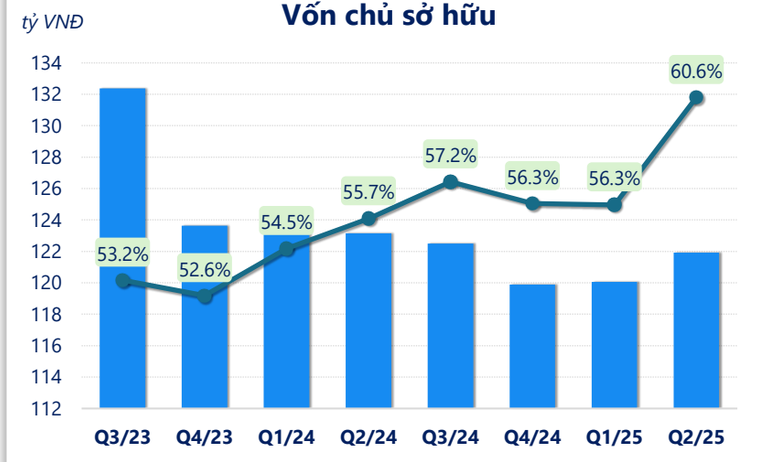
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

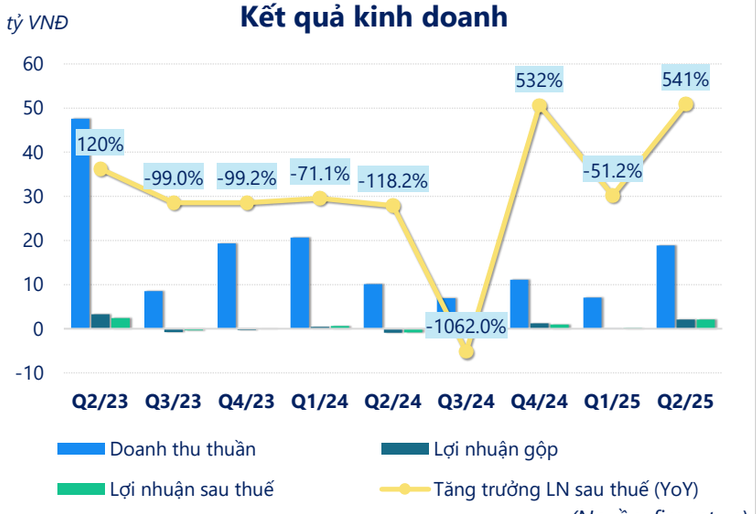
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

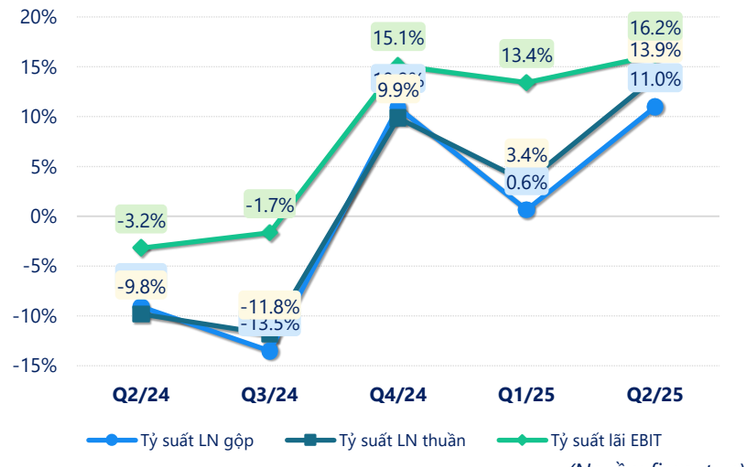
CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDX)

Kết quả kinh doanh



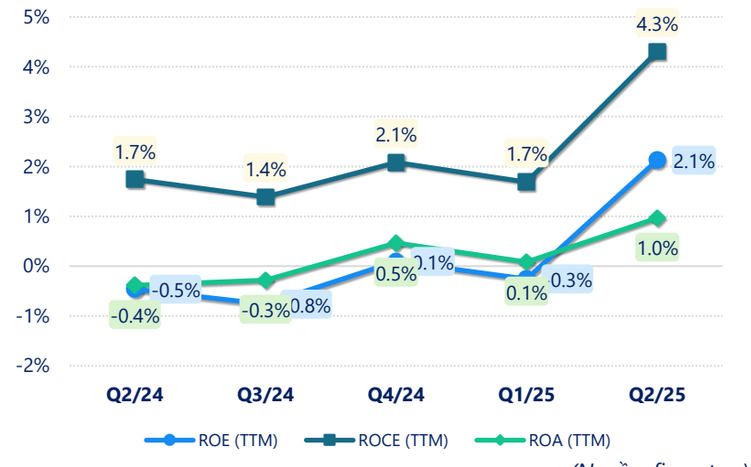
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



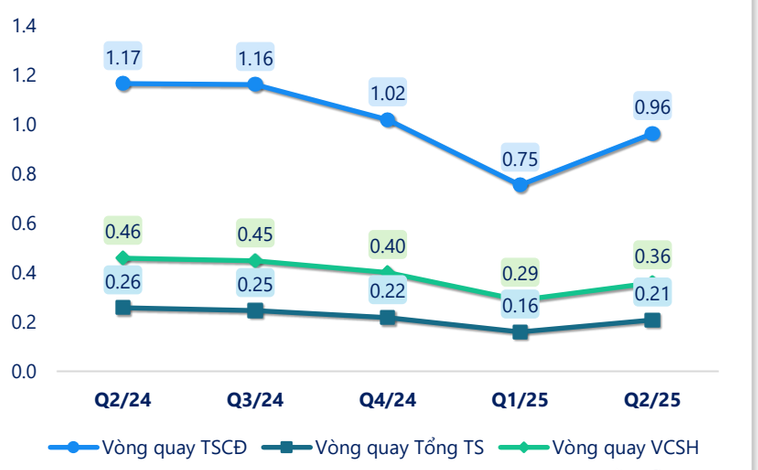
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



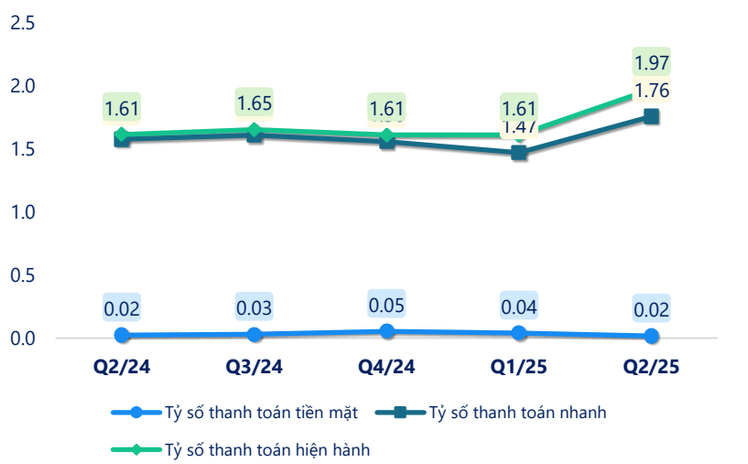
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



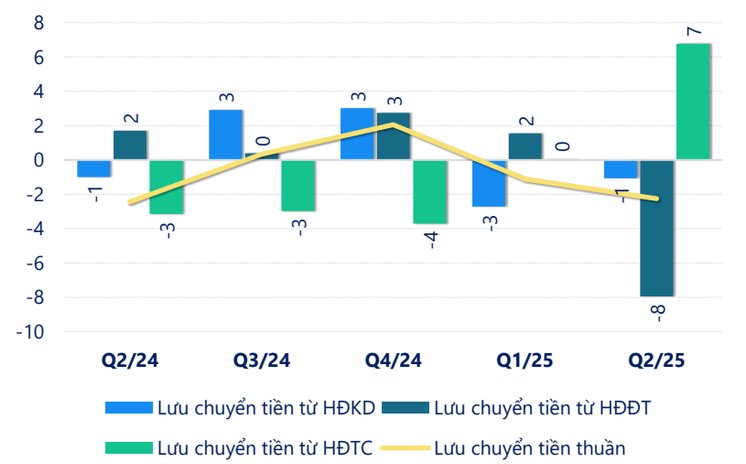
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDX)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**201**	**214**	**-5.8%**
Tài sản ngắn hạn	147	140	4.7%
Tiền và tương đương tiền	1.25	4.60	-72.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	39.6%
Phải thu ngắn hạn	124	126	-1.1%
Hàng tồn kho	16.0	5.15	210%
Tài sản ngắn hạn khác	5.08	4.54	11.9%
Tài sản dài hạn	**54.6**	**73.6**	**-25.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	43.5	45.4	-4.2%
Bất động sản đầu tư	1.13	27.5	-95.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	9.41	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.61**	**0.74**	**-17.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	79.3	93.7	-15.4%
Nợ ngắn hạn	**74.3**	**87.1**	**-14.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.8	47.2	-30.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.68	6.59	31.7%
Nợ dài hạn	4.95	6.53	-24.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.59	5.19	-30.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**122**	**120**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**122**	**120**	**1.7%**
Vốn điều lệ	99.9	99.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	10.1	6.94	11.1	7.08	18.9
Giá vốn hàng bán	11.0	7.88	9.88	7.03	16.8
Lợi nhuận gộp	-0.92	-0.94	1.21	0.05	2.07
Doanh thu HĐTC	1.70	1.63	1.47	1.55	1.66
Chi phí TC	0.68	0.70	0.58	0.59	0.01
Chi phí lãi vay	0.68	0.70	0.58	0.71	0.42
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	-0.17
Chi phí bán hàng	0.24	0.15	0.16	0.09	0.13
Chi phí QLDN	0.86	0.66	0.84	0.67	0.78
LN thuần từ HĐKD	-0.99	-0.82	1.09	0.24	2.63
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	-1.00	-0.82	1.10	0.24	2.63
Lợi nhuận sau thuế	-0.87	-0.70	0.97	0.17	2.05
LNST của CĐ cty mẹ	-0.88	-0.65	1.04	0.18	2.04

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.99	2.92	3.01	-2.71	-1.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.70	0.39	2.75	1.55	-7.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.15	-2.96	-3.70	0.06	6.77
Tiền đầu kỳ	4.63	2.19	2.54	4.60	3.49
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.44**	**0.34**	**2.06**	**-1.11**	**-2.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.19	2.54	4.59	3.49	1.25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic